TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:220/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2024
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Ngọc Liêm và bà Nguyễn Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 344/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T.L, sinh năm 1991; địa chỉ: số 330, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Dương Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị T.L trình bày:

Bà và ông Dương Thanh T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 21/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn, không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con chung là Dương Tấn K, sinh ngày 24/11/2008; Dương Hoàng T.K, sinh ngày 05/10/2010. Sau khi ly hôn, bà L tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Tờ tự khai ngày 26/01/2024; Trích lục kết hôn số 93 ngày 30/01/2014; bản sao khai sinh 02 con chung;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên bà L, ông T xóa bỏ những bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T; ông T được triệu tập nhưng đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với bà L. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản thông tin xác nhận nơi cư trú được Công an xã N, huyện C xác nhận thông tin ông Dương Thanh T vẫn còn đăng ký cư trú tại địa phương, đi làm xa, thỉnh thoảng về nhà.

Tại phiên tòa, bà L có đơn xin vắng, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông T. Ông T vắng mặt nên Tòa án không thể hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Ý kiến giải quyết vụ án:* Bà L và ông T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 21/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nên bà L yêu cầu ly hôn với ông T;

Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: có 02 con chung là Dương Tấn K, sinh ngày 27/11/2008; Dương Hoàng T.K, sinh ngày 05/10/2010. Sau khi ly hôn, bà L tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Đánh giá kể từ thời điểm vợ chồng ly thân, các con chung sống cùng với bà L phát triển ổn định về thể chất, tinh thần; nguyện vọng các cháu được sống cùng với mẹ nên giao các cháu cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T.L đối với ông Dương Thanh T.

- Bà Lê Thị T.L được tiếp tục chăm sóc 02 con chung là Dương Tấn K, sinh ngày 27/11/2008; Dương Hoàng T.K, sinh ngày 05/10/2010. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị T.L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Thanh T được xác định là tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Dương Thanh T có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: bà L và ông T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 21/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân:

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; bà L yêu cầu ly hôn, ông T không phản hồi, không có mặt theo giấy triệu tập. Bà L xác định không còn tình cảm với ông T và kiên quyết xin được ly hôn; Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà L, ông T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Dương Tấn K, sinh ngày 27/11/2008; Dương Hoàng T.K, sinh ngày 05/10/2010. Sau khi ly hôn, bà L tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Đánh giá kể từ thời điểm vợ chồng ly thân, các con chung sống cùng với bà L phát triển ổn định về thể chất, tinh thần; nguyện vọng các cháu được sống cùng với mẹ nên giao các cháu cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.L. Cho bà Lê Thị T.L được ly hôn với ông Dương Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang, cấp ngày 21 tháng 5 năm 2014 cho bà Lê Thị T.L với ông Dương Thanh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: giao 02 con chung là Dương Tấn K, sinh ngày 27/11/2008; Dương Hoàng T.K, sinh ngày 05/10/2010 cho bà Lê Thị T.L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung. Ông Tuấn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị T.L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Dương Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Tấn K, sinh ngày 24/11/2014; Dương Hoàng T.K, sinh ngày 05/10/2010.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị T.L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015429 ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; bà L đã nộp xong. Ông Dương Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T.L, ông Dương Thanh T, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh An Giang.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong

4. Về án phí: Bà Lê Thị Trúc Ly phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015429 ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; bà Ly đã nộp xong. Ông Dương Thanh Tuấn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Trúc Ly, ông Dương Thanh Tuấn, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc.....giờ.....phút cùng ngày; có đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe, cùng thống nhất tất cả các nội dung và ký tên vào biên bản.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**